TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2021/DS - PT
Ngày: 22 - 10 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Triệu Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 7 năm 2021 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 166/2021/QĐ-PT ngày 21 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Văn M, sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn L, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: Bị đơn ông Võ Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm :

Theo đơn khởi kiện ngày 23/11/2020, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn M trình bày:

Vào ngày 18/5/2020 ông có cho ông L mượn số tiền 6.000.000 đồng và ngày

06/6/2020 ông tiếp tục cho ông L mượn 11.000.000 đồng. Cả hai lần ông L có ký nhận vào giấy nhận tiền. Mặc dù, trong giấy nhận nợ không có ghi thời hạn trả, nhưng có thỏa thuận miệng thời hạn trả là 03 tháng. Khi đến hạn, ông đã nhiều lần yêu cầu ông L trả tiền nhưng ông L cứ né tránh, không chịu trả nên ông làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn L phải trả cho ông số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ đến khi xét xử, nhưng có yêu cầu tính lãi chậm trả trong giai đoạn thi hành án.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn ông Võ Văn L trình bày:

Ông thừa nhận có nhận số tiền 17.000.000 đồng từ ông M và thừa nhận chữ ký trong hai giấy nhận tiền do ông M giao nộp là của ông. Tuy nhiên, số tiền 17.000.000 đồng này là ông nhận dùm cho ông Phạm Quang T và ông đã đưa đầy đủ số tiền 17.000.000 đồng cho ông T, nhưng do chủ quan thiếu hiểu biết nên ông không ghi rõ nội dung trong giấy nhận nợ là ông chỉ nhận tiền dùm ông T, đồng thời khi đưa tiền cho ông T là ông đưa trực tiếp chứ không làm biên nhận xác nhận việc ông đã đưa cho ông T số tiền 17.000.000 đồng, cũng không có người làm chứng. Hiện ông T đã đi khỏi địa phương cách nay khoảng 06 - 07 tháng, ông đã đến nhà tìm ông T nhiều lần nhưng nhà ông T đóng cửa, không liên lạc được, ông T hiện đang làm gì ở đâu thì ông không biết, không thấy nên ông không thể nói ông T đến Tòa án làm chứng cho ông. Do ông chỉ nhận tiền dùm cho ông T, không có mượn cũng không có sử dụng tiền của ông M đưa nên ông không đồng ý trả cho ông M số tiền 17.000.000 đồng. Ông có vợ nhưng vợ ông đã chết cách nay khoảng hơn 20 năm, từ đó đến nay ông không có kết hôn với ai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre quyết định:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các điều 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đon ông Lê Văn M.

Buộc bị đơn ông Võ Văn L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lê Văn M số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/5/2021, bị đơn Võ Văn L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Lần nhận tiền thứ nhất số tiền 6.000.000 đồng có nội dung "ở nhà có người lấy tiền" là chưa đủ cơ sở xác định ông L là người vay tiền của ông M. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 hủy một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền 6.000.000 đồng, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông L đối với số tiền 11.000.000 đồng, buộc ông L có nghĩa vụ trả lại cho ông M 11.000.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bị đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn ông Lê Văn M yêu cầu bị đơn ông Võ Văn L trả số tiền 17.000.000 (mười bảy triệu) đồng của 02 lần vay ngày 18/5/2020 và ngày 06/6/2020, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của ông là ông L có ký vào hai giấy nhận tiền vào các ngày nêu trên. Bị đơn ông Võ Văn L thừa nhận có nhận số tiền 17.000.000 đồng và có ký tên vào giấy nhận tiền, tuy nhiên số tiền này ông nhận dùm ông Phạm Quang T, sau khi nhận tiền từ ông M thì ông đã giao đủ cho ông T số tiền 17.000.000 đồng, nên ông M khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền này cho ông M thì ông không đồng ý, vì ông không có sử dụng số tiền này và giữa ông và ông M trước đó không có quen biết. Tòa án nhân dân huyện B chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, buộc ông trả số tiền trên cho ông M là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, nên ông có đơn kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Đối với số tiền 6.000.000 đồng: Theo giấy nhận tiền ngày 18/5/20020 thể hiện: " ...ở nhà có người lấy tiền...6.000.000 đồng L nhận". Xét thấy, đối với số tiền này phía nguyên đơn ông M không chứng minh được ông L là người vay mượn tiền của ông. Ông L cho rằng ông không có quen biết với ông M, nhưng do ông T có nhờ ông đến nhà ông M nhận dùm số tiền 6.000.000 đồng. Sau khi ký nhận số tiền 6.000.000 đồng của ông M thì ông đã giao lại cho ông T. Tại phiên tòa hôm nay, ông M có lời trình bày: "do anh L xuống lấy tiền nói là mượn cho anh T**,** nên tôi nói anh L xuống lấy thì anh L phải ký nhận thì tôi mới đưa, sau đó anh anh L ký nhận". Như vậy, căn cứ vào nội dung giấy nhận tiền, lời trình bày của ông M tại phiên toà và kháng cáo của ông L có đủ cơ sở xác định ông L không có vay mượn số tiền 6.000.000 đồng vào ngày 18/5/2020. Do đó, kháng cáo của ông L đối với số tiền 6.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với số tiền 11.000.000 đồng: Theo giấy nhận tiền ngày 06/6/2020 có nội dung "Anh L có nhận 11.000.000đ", ông L thừa nhận có ký tên và ghi họ tên của

ông nhưng ông đã giao số tiền này cho ông T rồi nên ông không đồng ý trả. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay, ông L không cung cấp được chứng cứ để chứng minh và phía ông M không thừa nhận. Do đó, kháng cáo của ông L đối với số tiền 11.000.000 đồng là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét kháng cáo của ông L là có căn cứ được chấp nhận một phần đối với số tiền 6.000.000 đồng, đối với số tiền 11.000.000 đồng ông L phải có nghĩa vụ trả lại cho ông M, do ông M không có yêu cầu tính lãi suất nên Toà án không xem xét.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của ông M được chấp nhận một phần với sồ tiền 11.000.000 đồng nên ông L phải chịu án phí là 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng. Ông M phải chịu án phí đối với số tiền 6.000.000 đồng không được chấp nhận là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông L không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn L.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2021/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre. Cụ thể tuyên:

Áp dụng các điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M: Buộc ông Võ Văn L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn M số tiền 11.000.000 (mười một triệu) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn M đối với số tiền 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Võ Văn L phải chịu án phí là 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Ông Lê Văn M phải chịu án phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông M đã nộp là 425.000 (bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004295 ngày 25/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre hoàn trả cho ông Lê Văn M số tiền 125.000 (một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn L không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hương